

Bản án số: 24/2025/HSST
Ngày 26 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và ông Trần Xuân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ H1 Dung - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ, Cơ sở 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 04/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/12/1993; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã S, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: TDP Đ, pH1 V, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đoàn thể, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn P và bà Tạ Thị G có chồng là Trần Tuấn N và có 03 con; Quá trình hoạt động: Không; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Dương Thị Hồng L, sinh năm 1990; nơi cư trú: TDP L, xã L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Chị Bạch Thị Thu H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: TDP Đ, pH1 V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 23/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Vĩnh Yên nhận được tin báo về việc Nguyễn Thị H có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn pH1 Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 24/10/2024, Cơ quan CSĐT tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H thu giữ đồ vật, tài liệu và các giấy tờ có liên quan đến việc cho vay lãi gồm: 01 quyển sổ ghi chép người vay nợ, màu đen, xanh; 01 quyển sổ ghi chép người vay nợ màu cam; 01 Giấy vay tiền, người vay tiền Nguyễn Văn KH; 06 Giấy vay tiền, người vay tiền Bạch Thị

Thu H1; 01 Giấy vay tiền, người vay Phan Thị Vân A; 01 Hợp đồng cho vay tiền có thế chấp tài sản đảm bảo, người vay Nguyễn Đông T; 01 Giấy biên nhận vay tiền, người vay Nguyễn Thị L; 01 Giấy cho vay tiền, người vay Nguyễn Thị Minh Th; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu trắng, bên trong có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0942922323.

Kết quả điều tra xác định: Vào khoảng tháng 02/2023, Nguyễn Thị H nảy sinh ý định sử dụng số tiền do lao động tích góp mà có để cho vay với lãi suất cao nhằm mục đích hưởng lợi. Do đó, từ tháng 02/2023 đến tháng 12/2023, Nguyễn Thị H đã cho nhiều người vay lãi, trong đó có chị Dương Thị Hồng L và chị Bạch Thị Thu H1 vay tiền, lãi suất từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày tương ứng từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm. H trực tiếp sử dụng các tài khoản số 1024279666 của Ngân hàng TMCP Ngoại TH Việt Nam (Vietcombank), tài khoản số 0942922323 của Ngân hàng TMCP An Bình (ABBank), tài khoản số 685936688 của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank) đều đứng tên Nguyễn Thị H để giao dịch chuyển tiền cho vay và nhận tiền lãi, gốc của người vay. Cơ quan CSĐT đã tiến hành sao kê các số tài khoản trên.

Căn cứ vào các tài liệu thu giữ được trong quá trình khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H, kết quả sao kê tại Ngân hàng và lời khai của người vay tiền, xác định hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của H, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị H cho chị Dương Thị Hồng L vay 01 lần.

Ngày 24/02/2023, Nguyễn Thị H cho chị Dương Thị Hồng L vay số tiền 100.000.000đ bằng cách chuyển từ tài khoản Vietcombank của H đến tài khoản số 9225678988888 mở tại MBbank, không tính thời hạn vay, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày (tương ứng 109,5%/năm), không cắt lãi trước. Khi trả lãi, gốc, chị L sử dụng tài khoản MB bank nêu trên và tài khoản số 019996999999 mở tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPbank) của chị L chuyển khoản đến tài khoản Vietcombank của H. Từ ngày 25/3/2023 đến ngày 12/10/2023, chị L đã 06 lần trả tiền gốc và lãi cho H với tổng số tiền là 103.400.000đ, trong đó bao gồm 50.000.000đ tiền gốc và 53.400.000đ tiền lãi (thời gian tính lãi từ ngày 24/02/2023 đến ngày 04/10/2023, trong đó: Tiền lãi thu theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 9.753.424đ, tiền thu lời bất chính là 43.646.576đ.

Ngày 12/11/2023, chị L và H thống nhất số tiền gốc còn nợ là 50.000.000đ và giảm tiền lãi của khoản nợ còn lại xuống 2.000đ/triệu/ngày (tương ứng 73%/năm). Từ ngày 28/11/2023 đến ngày 09/4/2024, chị L trả H tổng số tiền 56.000.000đ (trong đó: 50.000.000đ tiền gốc và 6.000.000đ tiền lãi). Tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 1.643.835đ, tiền thu lời bất chính là 4.356.165đ.

2. Nguyễn Thị H cho chị Bạch Thị Thu H1 vay 01 lần.

Ngày 22/12/2023, Nguyễn Thị H cho chị Bạch Thị Thu H1 vay số tiền 420.000.000đ bằng cách chuyển khoản từ tài khoản Vietcombank và tài khoản ABbank của H đến tài khoản số 104005293143 mở tại Vietinbank của

chị H1, không tính thời hạn vay, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày (tương ứng 162,5%/năm), không cắt lãi trước. Ngày 25/12/2024, chị H1 chuyển khoản trả cho H số tiền 428.400.000đ (Trong đó: 420.000.000đ tiền gốc và 8.400.000đ tiền lãi của 04 ngày vay). Tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 920.547đ, tiền thu lời bất chính là 7.479.453đ).

Như vậy, H cho chị H1, chị L vay tổng số tiền là 520.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày đến 5.000.000đ/1 triệu/1 ngày. Tổng số tiền lãi H đã thu được là 61.800.000đ, trong đó: Tiền lãi tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 10.673.972đ, số tiền thu lợi bất chính là 51.126.028đ.

3. Các khoản vay lãi suất cao nhưng chưa vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự:

Ngoài cho chị Dương Thị Hồng L, chị Bạch Thị Thu H1 vay tiền với lãi suất vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, H còn cho một số người vay tiền với lãi suất thấp hơn 05 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cụ thể:

3.1. Nguyễn Thị H cho anh Nghiêm Văn KH (sinh năm 1986; trú tại: thôn Đồng Mả, xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội) vay tiền: Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 02/4/2024, H cho anh KH vay 03 lần với tổng số tiền là 450.000.000đ (gồm ngày 29/01/2024 là 250.000.000đ, ngày 07/02/2024 là 50.000.000đ và ngày 02/4/2024 là 150.000.000đ) bằng cách H chuyển khoản đến tài khoản 6850124689999 mở tại MBbank của anh KH với lãi suất 2.000đ/triệu/ngày (tương đương lãi suất 73%/năm). Tổng số tiền lãi H đã thu là 123.400.000đ (trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật dân sự là 33.808.218đ, số tiền thu lợi bất chính là 89.591.782đ). Anh KH đã trả hết số tiền gốc.

3.2. Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị Minh Th (sinh năm 1977; trú tại: Khu phố 2, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc) vay 01 lần: Ngày 21/10/2024, H cho chị Thuận vay số tiền 550.000.000đ bằng cách chuyển khoản đến tài khoản số 0361000253705 mở tại Vietcombank của chị Thuận, thời hạn vay 02 ngày, lãi suất 1.500đ/triệu/ngày tương đương 54,7%/năm. Số tiền lãi đã thu 1.650.000đ (trong đó số tiền lãi thu theo Bộ luật Dân sự là 602.739đ, số tiền thu lợi bất chính là 1.047.261đ).

4. Các khoản vay có lãi suất được quy định theo Bộ luật dân sự hoặc không tính lãi suất:

4.1. Đối với các khoản vay của chị Bạch Thị Thu H1 theo nội dung 06 giấy vay tiền, cụ thể:

- Giấy vay tiền đề ngày 22/12/2023, thể hiện nội dung chị H1 vay của H số tiền 450.000.000đ, thực chất là chị H1 chỉ vay 420.000.000đ và H tính lãi suất 5.000đ/triệu/ngày như trên.

- Giấy vay tiền đề ngày 08/01/2024, thể hiện nội dung chị H1 vay của H số tiền 2.500.000.000đ. Tuy nhiên, hai bên chỉ viết giấy vay tiền, sau đó thỏa thuận không vay tiền, chưa giao nhận tiền cho nhau.

- Giấy vay tiền đề ngày 25/12/2023, thể hiện nội dung chị H1 vay của H số tiền 1.300.000.000đ. Ngày 04/01/2024, chị H1 vay tiếp số tiền 300.000.000đ và ngày 08/01/2024, chị H1 vay tiếp số tiền 200.000.000đ. Tổng 03 khoản vay là 1.800.000.000đ. Do vậy, ngày 09/01/2024, H và chị H1 thỏa thuận gộp chung 03 khoản vay trên thành 01 khoản vay và viết giấy vay số tiền 1.800.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 09/01/2023 đến ngày 31/01/2023, lãi suất 1.500đ/triệu/ngày. Trong đó có 02 giấy nội dung chữ đánh máy trùng nhau. Một giấy vay tiền viết bằng tay hoàn toàn đã được đính chính và ghi nội dung: “hủy giấy vay này để ký lại giấy vay khác”. 03 giấy vay ngày 09/01/2024 đều có nội dung giống nhau, thể hiện nội dung chị H1 vay của H số tiền 1.800.000.000đ. Tuy nhiên, đến ngày 31/01/2023, do chị H1 không có tiền để trả gốc và lãi nên chị H1 và H thỏa thuận chuyển khoản vay này thành khoản vay dài hạn và giảm lãi suất xuống còn 548đ/1 triệu/1 ngày (tương ứng 20%/01 năm). Chị H1 và H thỏa thuận tính lãi đến ngày 30/10/2024 là 209.800.000đ, số tiền lãi này cùng với số tiền gốc, chị H1 sẽ thanh toán cho H thành nhiều lần đến khi trả hết nợ. Trường hợp chị H1 trả nợ xong trước ngày 30/10/2024 thì H trừ đi phần tiền lãi thừa, trường hợp chị H1 trả nợ xong sau ngày 30/10/2024 thì tiền lãi được tính tiếp từ ngày 31/10/2024 đến khi chị H1 trả hết nợ. Tính đến ngày 30/10/2024, chị H1 đã trả cho H 750.000.000đ tiền gốc và 290.800.000đ tiền lãi, còn nợ 1.050.000.000đ tiền gốc. Trong quá trình điều tra, chị H1 tiếp tục trả tiền gốc cho H 02 lần vào ngày 30/4/2025 và ngày 20/6/2025, tổng là 500.000.000đ. Tính đến nay, chị H1 còn nợ H số tiền gốc là 550.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 31/10/2024.

4.2. Ngày 10/10/2024, Nguyễn Thị H cho anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1991; trú tại: thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) vay số tiền 1.150.000.000đ, không tính lãi suất. Anh T đã trả đủ tiền vay cho H.

4.3. Ngày 11/10/2023, Nguyễn Thị H cho chị Phan Thị Vân A, sinh năm 1997; trú tại: Khu 3, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) vay số tiền 1.000.000.000đ, không tính lãi suất, chị Anh đã trả đủ tiền vay cho H.

4.4. Ngày 22/11/2023, Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; trú tại: TDP Đ 1, pH1 Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là pH1 V, tỉnh Phú Thọ) vay số tiền 50.000.000đ, không tính lãi suất, bà N đã trả đủ tiền vay cho H.

4.5. Từ ngày 09/5/2023 đến ngày 19/9/2023, Nguyễn Thị H cho anh Lương Việt C, sinh năm 1997; trú tại TDP H, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) vay tổng số tiền 55.000.000đ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập anh C lên làm việc nhưng anh C vắng mặt tại địa pH, đến nay chưa làm việc được với anh C. Theo H trình bày, H cho anh C vay tiền không tính lãi suất, anh C chưa trả đủ tiền cho H. Do vậy, chưa làm rõ nội dung vay tiền giữa H và anh C nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào rõ xử L sau.

4.6. Ngày 04/3/2024, Nguyễn Thị H cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; trú tại: PH1 V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là pH1 V, tỉnh Bắc Ninh) vay của số tiền 1.300.000.000đ. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập chị L lên làm việc nhưng chị L vắng mặt tại địa pH, đến nay chưa làm việc được với chị L. Theo H trình bày, H cho chị L vay tiền không tính lãi suất, chị L chưa trả đủ tiền cho H. Do vậy, chưa làm rõ nội dung vay tiền giữa H và chị L nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào rõ xử L sau.

Kết quả trưng cầu giám định, sao kê và xác minh tài khoản Ngân hàng:

Tại Kết luận giám định số: 3463/KL-KTHS ngày 11/12/2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Xác định được thông tin tài khoản Zalo đăng nhập trong mẫu cần giám định có tên “Nguyễn H”, số điện thoại đăng ký 0942922323. Phục hồi, trích xuất được 808 tin nhắn Zalo giữa tài khoản Zalo đăng nhập trong mẫu cần giám định với tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0975275119 tên “Chị L Ánh” - tên hiển thị “Ngôi Sao Bắc Cực”. Phục hồi, trích xuất được 4544 tin nhắn Zalo giữa tài khoản zalo đăng nhập trong mẫu cần giám định với tài khoản zalo đăng ký bằng số điện thoại 00963091315 tên “8386” - tên hiển thị “Sắc màu”.

Cơ quan điều tra đã thông báo kết quả giám định cho bị cáo H biết, bị cáo không có ý kiến gì.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, sao kê tài khoản của Nguyễn Thị H và những người vay. Kết quả sao kê phù hợp với lời khai của H, những người vay và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSKV9, ngày 06/7/2025, Viện kiểm sát nhân khu vực 9 - Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và phạt bổ sung số tiền từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ đối với bị cáo. Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của Nguyễn Thị H số tiền 531.800.000đ; trong đó: Truy thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền gốc 470.000.000đ; số tiền lãi tương ứng 20% là 10.673.971đ; truy thu trả cho chị Dương Thị Hồng L số tiền 43.646.576đ; chị Bạch Thị Thu H1 số tiền 7.479.453đ.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vĩnh Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 24/02/2023 đến ngày 22/12/2023, tại pH1 Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là pH1 Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ), Nguyễn Thị H đã có hành vi sử dụng số tiền gốc là 520.000.000đ cho 02 người vay lãi nặng tương ứng 02 khoản với tổng số tiền 520.000.000đ, với lãi suất từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày (tương ứng từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm) đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất là 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi đã thu là 61.800.000đ, bao gồm: Tổng số tiền lãi tính theo quy định tại Bộ luật Dân sự là 10.673.972đ; tổng số tiền thu lời bất chính là 51.126.028đ. Số tiền gốc người vay đã trả hết cho H.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật, song với mục đích kiếm lời trái pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ..., thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...”.

Như vậy, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản L kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm L hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử L nghiêm theo quy định

của pháp luật.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Tuy nhiên, cần xử phạt nghiêm minh bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về dân sự và xử L vật chứng:

Đối với số tiền gốc 100.000.000đ bị cáo sử dụng để cho chị Dương Thị Hồng L vay lãi nặng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 9.753.424đ. Số tiền gốc 420.000.000đ bị cáo sử dụng để cho chị Bạch Thị Thu H1 vay lãi nặng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) là 920.547đ là công cụ bị cáo sử dụng để phạm tội. Chị L, chị H1 đã trả cho bị cáo nên cần truy thu, sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự (20%/năm) bị cáo đã thu của chị L là 43.646.576đ và thu của chị H1 là 7.479.453đ cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị L, chị H1 theo quy định pháp luật.

Đối với các tài liệu là giấy vay tiền và 02 quyển sổ thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo là sổ sách, giấy tờ bị cáo sử dụng để ghi chép, theo dõi thông tin khách vay tiền, theo dõi việc thu, đóng lãi của khách khi thực hiện hành vi cho vay lãi nặng là vật chứng của vụ án, cần chuyển theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại Iphone 12Promax màu bạc, bên trong gắn thẻ sim số 0942922323 là pH tiện bị cáo sử dụng để liên lạc, chuyển nhận tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tịch thu, bán phát mại, sung Ngân sách Nhà nước. Đối với thẻ sim bị cáo sử dụng để liên lạc, chuyển nhận tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với các khoản vay lãi suất cao vượt quá 20% nhưng dưới 100%/năm của bị cáo, gồm: Khoản vay số tiền 450.000.000đ của anh Nghiêm Văn KH, số tiền 550.000.000đ của chị Nguyễn Thị Minh Thuận và số tiền 50.000.000đ của chị L (từ ngày 04/10/2023) chưa vượt quá 05 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các khoản vay tính lãi suất theo

quy định của Bộ luật dân sự hoặc không tính lãi suất là quan hệ dân sự của bị cáo với người vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân pH1 Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân pH1 Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Thị H 50.000.000đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 530.673.971đồng của bị cáo Nguyễn Thị H.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H trả lại chị Dương Thị Hồng L số tiền 43.646.576đồng và trả chị Bạch Thị Thu H1 số tiền 7.479.453đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tịch thu, bán phát mại, sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12Promax, màu bạc của bị cáo Nguyễn Thị H.

Tịch thu, tiêu hủy 01 thẻ sim số 0942922323 của bị cáo Nguyễn Thị H.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận ngày 25/8/2025).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV9-PT;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND pH1 Vĩnh Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mẫu Văn Mùi

